

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Viên;

Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Quang Khải, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị N) trình bày:

Chị N và anh Vũ Văn L tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện T (nay là xã C) vào ngày 19/4/2011. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được hơn 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường hay xô sát, cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn càng tăng, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không

thể đoàn tụ, chị N yêu cầu được ly hôn anh L. Anh chị có 02 con chung là Vũ Văn L1, sinh ngày 21/9/2011 và Vũ Đức N1, sinh ngày 22/11/2024. Khi ly hôn, chị N đề nghị Toà án giao con con Vũ Đức N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Vũ Văn L1

cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn, mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung là đúng. N nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị chỉ là mâu thuẫn, xô sát nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Bản thân anh L cũng đã tự hoà giải với chị N nhiều lần nhưng không có kết quả, anh L không còn giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị N xin ly hôn anh L, anh L không đồng ý ly hôn chị N. Anh chị có 02 con chung như chị N trình bày. Trường hợp nếu phải ly hôn, anh L đề nghị Toà án giao con lớn cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, con nhỏ giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung anh L tự thoả thuận với chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện: Chị N và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xô sát, bất hoà, nhiều lần sống ly thân nhau, lần cuối là vào đầu năm 2024. Từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung như trình bày; hiện con lớn do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, con nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp nếu phải ly hôn, Toà án nên giao con lớn cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con nhỏ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện kinh tế và tâm sinh lý của các con.

Tại phiên toà nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, không có văn bản thay đổi quan điểm. Bị đơn thay đổi quan điểm, anh L đồng ý ly hôn chị N, các nội dung khác vẫn giữ N quan điểm;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt các đương sự và các hoạt động tố tụng khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; căn cứ 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn L; giao con Vũ Văn L, sinh ngày 21/9/2011 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Vũ Đức N, sinh ngày 22/11/2024 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Văn L, hiện đang cư trú tại Thôn H, xã C, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn (chị N) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện T (nay là xã C) vào ngày 19/4/2011. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần sống ly thân nhau, lần cuối là vào đầu năm 2024. Từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị được ly hôn anh L là phù hợp với ý chí của anh L; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Văn L1, sinh ngày 21/9/2011 và Vũ Đức N1, sinh ngày 22/11/2024. Hiện tại, con nhỏ do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; con lớn do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N, anh L đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con, không tranh chấp về con chung khi ly hôn. Xét thấy, chị N và anh L đều là lao động tự do, có việc làm và nơi ở ổn định,

đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con; mặt khác tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2026), con Vũ Đức N1 được 13 tháng 24 ngày; việc thoả thuận của chị N, anh L phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao con Vũ Đức N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Vũ Văn L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy quyền lợi của các con vẫn đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận với nhau, không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn L.

2. Về con chung: Giao con Vũ Đức N1, sinh ngày 22/11/2024 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Vũ Văn L1, sinh ngày 21/9/2011 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003825 ngày 15 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Chân Hưng (ĐKKH số 24/2011 tại UBND xã Đông Hưng, huyện Tiên Lãng);
- Đương sự (Đề thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

